

Số: 148/2026/QĐST-HNGĐ.

Bắc Ninh, ngày 19 tháng 06 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 157; Điều 165; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 158; Điều 213; Điều 219; Điều 221; Điều 235 BLDS.

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 134; Điều 135; Điều 136; Điều 137 Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp: “Chia tài sản chung sau ly hôn” thụ lý số: 47/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông La Văn B, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị La Thị Thảo V, sinh năm 2001.

2/ Anh La Thiện B1, sinh năm 2006.

3/ Ông La Văn S, sinh năm 1965.

4/ Ông La Văn T, sinh năm 1970.
5/ Bà La Thị T1, sinh năm 1977.
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.
6/ Bà La Thị S1, sinh năm 1967.
Trú tại: Thôn S, xã L, tỉnh Bắc Ninh
7/ Anh La Văn T2, sinh năm 1988.
8/ Chị Diệp Thị T3, sinh năm 1989.
Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.
(Anh La Văn T2 ủy quyền cho chị Diệp Thị T3)
9/ Ông Thân Văn N, sinh năm 1979.
Trú tại: TDP H, phường C, tỉnh Bắc Ninh.
11/ Bà La Thị S2, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.
12/ Bà La Thị L1, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.
13/ UBND xã Đ do ông Thân Văn C là đại diện theo ủy quyền.
14/ Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 do ông Đoàn Văn H - Trưởng
phòng THADS Khu vực 5 - Bắc Ninh là đại diện.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho chị La Thị Thảo V hai diện tích đất cụ thể:

* Chia cho chị La Thị Thảo V diện tích đất 362,2 m² (Trong đó có 120 m² đất ở x 5.000.000 đồng/01 m² = 625.000.000 đồng và 242,2 m² đất trồng cây lâu năm x 220.000 đồng/01 m² = 53.240.000 đồng trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B

Chị La Thị Thảo V được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích 362,2 m²

* Chia cho chị La Thị Thảo V diện tích đất 344,6 m² (Trong đó có 140 m² đất ở x 5.000.000 đồng/01 m² = 700.000.000 đồng và 204,6 m² đất trồng cây lâu năm x 220.000 đồng/01 m² = 45.012.000 đồng) trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B.

Chị La Thị Thảo V được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên diện tích 344,6 m²

Tổng giá trị tài sản cháu La Thị Thảo V được thực hưởng: 1.423.252.000 đồng.

2.2. Chia cho vợ chồng anh La Văn T2, chị Diệp Thị T3 diện tích đất 2308,9 m² đất trồng cây lâu năm x 220.000 đồng/01 m² = 507.958.000 đồng trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B.

Vợ chồng anh La Văn T2, chị Diệp Thị T3 được sở hữu và sử dụng:

+ 04 cây vải đường kính gốc 15 - 20cm x 1.850.000 đồng/01 cây = 7.400.000 đồng.

+ 01 nhà cấp 4, loại 6 xây năm 2010 có giá = 31.300.000 đồng.

+ 01 nhà bếp diện tích 12 m² có giá 2.359.200 đồng.

Cùng toàn bộ tài sản khác trên diện tích 2308,9 m²

Tổng giá trị tài sản vợ chồng anh La Văn T2, chị Diệp Thị T3 được thực hưởng: 549.017.200 đồng.

2.3. Chia cho anh La Thiện B1 tổng diện tích đất 3256,5 m² đất trồng cây lâu năm x 220.000 đồng/01 m² = 716.430.000 đồng (Trong đó có: 2665,5 m² đất trồng cây lâu năm trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B và 591 m² đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất.

Anh La Thiện B1 được sở hữu và sử dụng 10 cây vải đường kính gốc 15 - 20cm x 1.850.000 đồng/01 cây = 18.500.000 đồng.

Cùng toàn bộ tài sản khác trên diện tích 3256,5 m²

Tổng giá trị tài sản anh La Thiện B1 được thực hưởng: 734.930.000 đồng.

2.4. Chia cho anh La Văn B tổng diện tích đất 1661,1 m² (Trong đó có: (Trong đó có 80 m² đất ở x 5.000.000 đồng/01 m² = 400.000.000 đồng và 570,7 m² đất trồng cây lâu năm x 220.000 đồng/01 m² = 125.554.000 đồng trong GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B và 1010,4 m² đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSD đất x 220.000 đồng/01 m² = 222.228.000 đồng.

Anh La Văn B được sở hữu và sử dụng: 01 căn nhà 02 tầng xây năm 2011 có giá = 464.251.072 đồng

Cùng toàn bộ tài sản khác trên diện tích 1661,1 m²

Tổng giá trị tài sản anh La Văn B được thực hưởng: 1.212.033.072 đồng

Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào Quyết định này của Tòa án thu hồi GCNQSD đất có số vào sổ cấp GCNQSD đất CH000470, Quyết định cấp 551/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 mang tên hộ ông La Văn B, đồng thời giao Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai liên xã L cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính để cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho người được chia đất theo Quyết định này của Tòa án

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị La Thị Thảo V, anh La Văn B, vợ chồng anh La Văn T2, chị Diệp Thị T3, anh La Thiện B1.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tài sản: Tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản là: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Các bên đương sự thỏa thuận anh La Văn B nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định và trích đo. Anh La Văn B đã nộp đủ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Có sơ đồ thừa đất số kèm theo Quyết định)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hiếu